

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

### Đánh giá theo phương pháp chấm điểm<sup>1</sup>:

Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu để quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật. Đối với gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật, chủ đầu tư có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. E-HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tổng số điểm theo đánh giá không thấp hơn 80% tổng số điểm về kỹ thuật, và phải đạt số điểm tối thiểu tất cả các tiêu chuẩn:

TT	Nội dung đánh giá	Mức điểm	
		Tối đa	Tối thiểu
<b>A</b>	<b><u>Giải pháp kỹ thuật</u></b>		
<b>1</b>	<b>Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng (Có thoả thuận hoặc hợp đồng cung cấp đáp ứng yêu cầu)</b>	<b>10</b>	<b>9</b>
	+ Có kê khai đủ các loại vật tư, vật liệu chính, xuất xứ, tiêu chuẩn, quy cách rõ ràng, chất lượng tốt tương đương yêu cầu của thiết kế: Từ 09 điểm đến 10 điểm. + Các loại vật tư, vật liệu có xuất xứ, tiêu chuẩn, quy cách rõ ràng và chất lượng tốt tương đương yêu cầu của thiết kế (nhưng kê khai không đủ các loại vật tư, vật liệu chính): Từ 05 điểm đến dưới 09 điểm. + Kê khai không đủ hoặc không có bảng kê các loại vật liệu chính. Các loại vật tư, vật liệu có xuất xứ, tiêu chuẩn, quy cách không rõ ràng và chất lượng thấp hơn yêu cầu của thiết kế: Từ 0 điểm đến dưới 05 điểm.	10	
<b>2</b>	<b>Hệ thống tổ chức và nhân sự</b>	<b>10</b>	<b>8</b>
	Sơ đồ hệ thống tổ chức của Nhà thầu tại công trường : (gồm các bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, hành chính kế toán, chất lượng, vật tư, thiết bị, an toàn, an ninh, môi trường, các đội, tổ thi công). - Có sơ đồ hệ thống tổ chức chi tiết, hợp lý, phù hợp với khả năng thực hiện gói thầu : Từ 08 điểm đến 10 điểm.	10	

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.2 Mục 3 Chương này.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có sơ đồ hệ thống tổ chức nhưng chưa hợp lý, không phù hợp với khả năng thực hiện gói thầu : Từ 01 đến dưới 08 điểm.</li> <li>- Không có sơ đồ tổ chức công trường : 0 điểm.</li> </ul>		
<b>3</b>	<b>Các giải pháp kỹ thuật cho các công tác/hạng mục chủ yếu</b>	<b>50</b>	<b>45</b>
3.1	<p><b>Tổ chức mặt bằng công trường:</b> (công trình tạm, thiết bị thi công, kho bãi vật liệu, chất thải; công ra vào, rào chắn, biển báo; cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc ...).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện, tính chất công trình; phù hợp với biện pháp và tiến độ thi công: Từ 09 - 10 điểm.</li> <li>- Giải pháp kỹ thuật không phù hợp với điều kiện, tính chất công trình, chưa phù hợp với biện pháp thi công: Từ 05 điểm đến dưới 09 điểm.</li> <li>- Giải pháp kỹ thuật sơ sài, không hợp lý: Từ 0 điểm đến dưới 05 điểm.</li> </ul>	10	
3.2	<p><b>Giải pháp và biện pháp phá dỡ kết cấu cũ thu gom và chuyển phế liệu đi xử lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện, tính chất công trình, phù hợp với biện pháp thi công : Từ 04 đến 05 điểm.</li> <li>- Giải pháp kỹ thuật không phù hợp với điều kiện, tính chất công trình, chưa hoặc không phù hợp với biện pháp thi công: Từ 01 đến dưới 04 điểm.</li> <li>- Giải pháp kỹ thuật sơ sài: Từ 0 đến dưới 01 điểm.</li> </ul> <p><b>Lưu ý: Nhà thầu phải có hợp đồng (HĐ nguyên tắc) về việc thu gom và chuyển phế liệu đi xử lý thì mới đạt được 100% số điểm đánh giá của chỉ tiêu. Không có HĐ sẽ bị trừ 50% số điểm được đánh giá.</b></p>	5	
3.3	<p><b>Thi công các hạng mục lát mặt hè đá, bó vỉa, bó gốc cây, sửa chữa cột, biển báo giao thông, thay thế nắp ga bưu điện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện, tính chất công trình, phù hợp với biện pháp thi công: Từ 13 đến 15 điểm.</li> <li>- Giải pháp kỹ thuật không phù hợp điều kiện, tính chất công trình, chưa hoặc không phù hợp với biện pháp thi công: Từ 10 đến dưới 13 điểm.</li> <li>- Giải pháp kỹ thuật sơ sài: Từ 0 đến dưới 10 điểm.</li> </ul>	15	
3.4	<p><b>Thi công hạng mục mặt đường bê tông xi măng, bê tông asphalt</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện, tính chất công trình, phù hợp với biện pháp thi công: Từ 13 đến 15 điểm.</li> <li>- Giải pháp kỹ thuật không phù hợp điều kiện, tính chất công trình, chưa hoặc không phù hợp với biện pháp thi công: Từ 10 đến dưới 13 điểm.</li> <li>- Giải pháp kỹ thuật sơ sài: Từ 0 đến dưới 10 điểm.</li> </ul>	15	
3.5	<p><b>Thi công hoàn thiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện, tính chất công trình, phù hợp với biện pháp thi công : Từ 03 đến 05 điểm.</li> </ul>	5	

	- Giải pháp kỹ thuật không phù hợp điều kiện, tính chất công trình, chưa hoặc không phù hợp với biện pháp thi công: Từ 01 đến dưới 03 điểm. - Giải pháp kỹ thuật sơ sài: Từ 0 đến dưới 01 điểm.		
<b>4</b>	<b>Các biện pháp, quy trình quản lý thi công</b>	<b>16</b>	<b>13</b>
4.1	Quản lý chất lượng vật tư; chất lượng cho từng công tác thi công; Biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão; Sửa chữa hư hỏng và bảo hành công trình. - Biện pháp quản lý chất lượng hợp lý, khả thi : Từ 01 - 05 điểm. - Biện pháp QLCL sơ sài, không hợp lý : 0 điểm	5	
4.2	QL tài liệu, hồ sơ, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán. - Biện pháp quản lý hợp lý và khả thi : Từ 01 đến 02 điểm. - Biện pháp quản lý sơ sài, không hợp lý : 0 điểm.	2	
4.3	QL an toàn trên công trường : Biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công; Phòng chống cháy nổ trong và ngoài công trường; An toàn giao thông công trường; Bảo vệ an ninh công trường, quản lý nhân lực, thiết bị... - Biện pháp đầy đủ, hợp lý và khả thi : Từ 01 đến 03 điểm. - Biện pháp sơ sài, không hợp lý : 0 điểm.	3	
4.4	QL an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường : - Biện pháp QL an toàn cho công trình và dân cư xung quanh công trình đầy đủ, hợp lý và khả thi : Từ 01 đến 03 điểm. - Biện pháp quản lý sơ sài, không hợp lý : 0 điểm.	3	
4.5	QL môi trường: Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, bụi, khói, rung, kiểm soát nước thải các loại, kiểm soát rò rỉ dầu mỡ, hoá chất, rác thải, nhà vệ sinh của công nhân trên công trường... - Biện pháp quản lý môi trường đầy đủ, hợp lý và khả thi: Từ 01 đến 03 điểm. - Biện pháp QL môi trường sơ sài, không hợp lý : 0 điểm.	3	
	<b>Tiền độ thi công</b>	<b>10</b>	<b>8</b>
5.1	- Thời gian TC của nhà thầu bằng TG được duyệt: được 2 điểm; - Vượt thời gian quy định: Trừ hết điểm của chỉ tiêu.	5	
5.2	Các biểu đồ huy động: nhân lực, vật liệu, thiết bị hợp lý, phù hợp với tiến độ thi công: Từ 0-3 điểm	3	
5.3	Biện pháp đảm bảo, duy trì thi công khi mất điện, đảm bảo thiết bị trên công trường hoạt động liên tục khả thi: 0 -2 điểm	2	
<b>B</b>	<b><u>Uy tín của nhà thầu</u></b> <i>(Trường hợp một trong 2 tiêu chí dưới đây đã đạt được điểm tối đa thì không cần xét điểm của tiêu chí còn lại)</i>	<b>4</b>	
1	Số lượng các hợp đồng xây dựng công trình tương tự, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ và vượt tiến độ cứ mỗi HĐ được 2,0 điểm tổng số không quá 4,0 điểm		
2	Hợp đồng đạt giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng cứ mỗi HĐ được 2,0 điểm nhưng không quá 4,0 điểm		
<b>C</b>	<b><u>Lịch sử kiện tụng trước đây:</u></b>		

*	Cứ mỗi vụ kiện trừ 03 điểm, trừ vào tổng số điểm của các chỉ tiêu đạt được (không giới hạn số điểm bị trừ)		
<b>Tổng số điểm</b>		<b>100</b>	<b>80</b>

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

##### **Phương pháp giá thấp nhất<sup>1</sup>:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

#### **Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)**

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: \_\_\_\_ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế].

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.